

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ C
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2022/DS-ST
Ngày: 28-9-2022
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C , TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Ngọc Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Thanh Sơn;

- Bà Võ Thị Thanh Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Oanh Đa Ra – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C , tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bích Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2022, tại Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 73/2022/TLST-DS ngày 20 tháng 5 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 173/2022/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2022 và Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 22/TB – TA ngày 09 tháng 9 năm 2022 giữa:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Sài Gòn T ; địa chỉ: 266-268 N, phường V , quận X, thành phố H ;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Kha Đức T – Chức vụ Phó phòng giao dịch C (theo Giấy ủy quyền tham gia tố tụng số ngày 21/4/2022).

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H , sinh năm 1970; địa chỉ: tổ 06, khóm C , phường C , thành phố C , tỉnh An Giang.

(Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Kha Đức T có mặt; bà Nguyễn Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 29/9/2020, bà Nguyễn Thị H có ký với Ngân hàng TMCP Sài Gòn T Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 15.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 13.000.000 đồng.

Quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt đến nay bà H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 3.223.000 đồng. Qua nhiều lần nhắc nhở nhưng bà H không có thiện chí trả nợ. Do bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng yêu cầu bà H phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 03/4/2022 là 17.576.449 đồng (trong đó giao dịch 13.000.000 đồng, phí và lãi 7.799.499 đồng, đã thanh toán 3.223.000 đồng), đồng thời chịu lãi phát sinh từ ngày 04/4/2022 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tòa án tiến hành hòa giải giữa các đương sự nhưng không tiến hành hòa giải được do bị đơn vắng mặt.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày ý kiến như đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử. Đồng thời, yêu cầu bà H trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn T số nợ tính đến hết ngày 28/9/2022 là 16.176.872 đồng (trong đó giao dịch 13.000.000 đồng, phí và lãi 10.649.872 đồng, đã thanh toán 7.473.000 đồng); tiếp tục trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 29/9/2022 theo hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự. Xác định thẩm quyền thụ lý, quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách pháp lý của các đương sự, thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án và lập hồ sơ đúng theo quy định tại các Điều 195, 196, 198 và Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. bị đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt là đúng quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thấy rằng, vào ngày 29/9/2020, bà Nguyễn Thị H có ký với Ngân hàng TMCP Sài Gòn T Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là

15.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng phía bà H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 13.000.000 đồng, nhưng chỉ trả được 7.473.000 đồng thì ngưng trả cho đến nay. Do bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay và còn nợ lại Ngân hàng vốn và lãi với tổng số tiền là 16.176.872 đồng nên Ngân hàng TMCP Sài Gòn T khởi kiện bà H trả số tiền còn nợ.

Xét, thỏa thuận vay nợ giữa Ngân hàng TMCP Sài Gòn T với bà Nguyễn Thị H được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có lập hợp đồng, phù hợp quy định pháp luật. Do trong thời gian thực hiện hợp đồng phía bên vay – bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bên cho vay nên việc Ngân hàng TMCP Sài Gòn T khởi kiện yêu cầu bà H trả số tiền còn nợ là có căn cứ chấp nhận.

Căn cứ các Điều 463, 466, 468, Bộ luật Dân sự, các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn T 16.176.872 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng

[1] Về thẩm quyền

Ngân hàng Sài Gòn T khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị H trả nợ vay. Bà H đang cư trú trên địa bàn thành phố C nên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố C theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn bà Nguyễn Thị H có đơn đề nghị vắng mặt tại phiên tòa; căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà H.

Về nội dung

[3] Về việc xác lập và thực hiện hợp đồng vay tài sản:

Xét Hợp đồng cấp thẻ tín dụng giữa Ngân hàng Sài Gòn T với bà Nguyễn Thị H được ký kết trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng được ký kết. Về thực hiện hợp đồng, trên cơ sở hợp đồng đã ký kết, bà H được Ngân hàng Sài Gòn T cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 15.000.000 đồng. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 13.000.000 đồng. Sau khi vay, bà H trả tiền vốn, lãi với số tiền là 7.473.000 đồng rồi ngưng không tiếp tục trả nợ lãi, nợ vốn. Cho nên,

tính đến hết ngày 28/9/2022, bà H còn nợ Ngân hàng Sài Gòn T là 16.176.872 đồng (trong đó nợ gốc 13.000.000 đồng, phí và lãi 10.649.872 đồng, đã thanh toán 7.473.000 đồng).

[4] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Do bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng Sài Gòn T khởi kiện yêu cầu bà H trả nợ là phù hợp với nội dung hợp đồng đã ký kết, quy định tại các Điều 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Sài Gòn T ; buộc bà H trả cho Ngân hàng Sài Gòn T số tiền 16.176.872 đồng và tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng, kể từ ngày 29/9/2022 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (29/9/2022), bị đơn bà H còn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh của số tiền nợ gốc quá hạn chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải thanh toán cho Ngân hàng Sài Gòn T .

Ngân hàng Sài Gòn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn lại cho Ngân hàng Sài Gòn T số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; các Điều 147, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn T .

Buộc bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn T tiền vốn gốc và lãi suất vay tính đến ngày 28/9/2022 là 16.176.872 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (29/9/2022), bị đơn bà Nguyễn Thị H còn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh của số tiền nợ gốc quá hạn chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín

dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm

Bà Nguyễn Thị H phải chịu 808.000 (*Tám trăm lẻ tám nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả số tiền 440.000 (*Bốn trăm bốn mươi nghìn*) đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0002158 ngày 20 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C cho Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn T.

4. Về quyền kháng cáo

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn T có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của bà Nguyễn Thị H là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát Tp.CĐ (2);
- Tòa án tỉnh An Giang (1);
- Thi hành án DS Tp.CĐ (1);
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Lâm Ngọc Phượng